

Số : 954/QĐ-UBND

Vạn Ninh, ngày 04 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
**VỀ VIỆC CÔNG BỐ CÔNG KHAI SỐ LIỆU THỰC HIỆN DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH HUYỆN VẠN NINH QUÝ 2 NĂM 2019**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 24/12/2018 của HĐND huyện Vạn Ninh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách huyện và phương án phân bổ ngân sách huyện năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND huyện Vạn Ninh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện Vạn Ninh Quý 2 năm 2019, gồm có 3 biểu đính kèm (Biểu số 93/CK-NSNN, biểu số 94/CK-NSNN, biểu số 95/CK-NSNN).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. *KMAC*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa;
- TT HĐND huyện;
- Văn phòng Huyện ủy Vạn Ninh;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Các cơ quan đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, VP HĐND và UBND, Phòng TC-KH. *KH*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Trần Kim Bảo

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ 2 NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày / /2019 của UBND huyện Vạn Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019		Thực hiện Quý 2/2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
		Tỉnh giao	HĐND huyện giao		Dự toán năm (huyện giao)	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/2	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	178.260	178.260	186.973	52,87	110,39
I	Thu cân đối NSNN	178.260	178.260	94.252	52,87	94,04
1	Thu nội địa	178.260	178.260	94.252	52,87	94,04
2	Thu viện trợ					
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			92.721		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	569.481	569.481	255.316	44,83	105,33
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	569.481	569.481	255.316	44,83	105,33
1	Chi đầu tư phát triển	86.000	86.000	41.056	47,74	94,97
2	Chi thường xuyên	456.369	456.369	214.260	46,95	107,57
3	Dự phòng ngân sách	12.952	12.952			
4	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL	14.160	14.160			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh					

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 2 NĂM 2019
(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày / / của UBND huyện Vạn Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019		Thực hiện quý 2/2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
		Tỉnh giao	HĐND huyện giao		Dự toán năm (huyện giao)	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/2	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	178.260	178.260	94.252	52,87	195,50
I	Thu nội địa	178.260	178.260	94.252	52,87	195,50
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước			311		85,91
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			-		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc	67.300	67.300	24.971	37,10	111,48
3.1	- Thuế giá trị gia tăng	49.750	49.750	17.202	34,58	109,89
3.2	- Thuế TNDN	7.080	7.080	4.291	60,61	189,11
3.3	- Thuế TTĐB	350	350	139	39,71	104,51
3.4	- Thuế tài nguyên	10.120	10.120	3.339	32,99	76,88
3.5	- Thuế môn bài	-	-			
3.6	- Thu khác	-	-			
4	Thuế thu nhập cá nhân	10.000	10.000	3.334	33,34	50,70
5	Thuế bảo vệ môi trường		-			
6	Lệ phí trước bạ	28.010	28.010	9.937	35,48	66,57
7	Thu phí, lệ phí	9.800	9.800	3.653	37,28	86,07
7.1	- Trung ương	850	850	256		58,58
7.2	- Tỉnh, Huyện	7.750	7.750	2.193	28,30	86,65
7.3	- Xã	1.200	1.200	1.204	100,33	94,36
8	Các khoản thu về nhà, đất	39.200	39.200	44.322	113,07	113,34
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-			
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	50	50	4	8,00	133,33
-	Thuế chuyển quyền sử dụng đất					
-	Thu tiền sử dụng đất	34.000	34.000	39.954	117,51	112,77
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	444	444	343	77,25	100,88
-	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	4.706	4.706	4.021	85,44	120,64
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		-			
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		-			
10	Thu khác ngân sách	18.950	18.950	4.791	25,28	58,59
-	Cấp TW	8.450	8.450	1.474	17,44	89,17
-	Cấp tỉnh	7.500	7.500	1.488	19,84	24,90
-	Cấp huyện	1.000	1.000	594	59,40	108,39
-	Cấp xã	2.000	2.000	1.235	61,75	
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	5.000	5.000	2.933		66,25

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019		Thực hiện quý 2/2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
		Tỉnh giao	HĐND huyện giao		Dự toán năm (huyện giao)	Cùng kỳ năm trước
II	Thu viện trợ					
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	127.150	127.150	76.010	59,78	104,30
1	Từ các khoản thu phân chia	41.170	41.170	15.575	37,83	119,81
1.1	Thu từ khu vực NQD:	41.170	41.170	15.575	37,83	119,81
a	- Thuế giá trị gia tăng	35.820	35.820	12.385	34,58	109,89
b	- Thuế TNDN	5.098	5.098	3.090	60,61	189,11
c	- Thuế TTĐB	252	252	100	39,71	104,51
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	85.980	85.980	60.435	70,29	100,93
2.1	Thu từ khu vực NQD:	10.120	10.120	3.339	32,99	76,88
a	- Thuế tài nguyên	10.120	10.120	3.339	32,99	76,88
b	- Thuế môn bài			-		
c	- Thu khác			-		
2.2	Lệ phí trước bạ	28.010	28.010	9.937	35,48	66,57
2.3	Thu phí, lệ phí:	5.800	5.800	2.439	42,05	445,07
a	+ Cấp huyện	4.600	4.600	1.235	26,85	225,36
b	+ Cấp xã	1.200	1.200	1.204	100,33	
2.4	Các khoản thu về nhà, đất:	34.050	34.050	39.958	117,35	102,18
a	Thuế sử dụng đất NN	-	-	-		
b	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	50	50	4	8,00	133,33
c	Thuế chuyển quyền SDD	-	-	-		
d	Thu tiền sử dụng đất	34.000	34.000	39.954	117,51	112,77
e	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	-	-	-		
f	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-		
g	Thu bán nhà thuộc SHNN	-	-	-		
2.5	Thu khác cấp huyện (phạt, thuê mặt bằng...)	3.000	3.000	1.829	60,97	333,76
2.6	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	5.000	5.000	2.933	58,66	66,25

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ 2 NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày / / 2019 của UBND huyện Vạn Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm		Thực hiện quý 2/2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
		Tính giao	HĐND huyện giao		Dự toán năm huyện	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4=3/2	5
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	569.481	569.481	255.316	44,83	105,33
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	569.481	569.481	255.316	44,83	105,33
I	Chi đầu tư phát triển	86.000	86.000	41.056	47,74	94,97
II	Chi thường xuyên	456.369	456.369	214.260	46,95	107,57
	<i>Trong đó:</i>					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	240.392	240.392	112.198	46,67	116,17
2	Chi khoa học và công nghệ					
3	Chi y tế, dân số và gia đình	4.182	4.182			
4	Chi văn hóa thông tin	2.699	2.699	1.372	50,83	138,31
5	Chi phát thanh, truyền hình	1.773	1.773	263	14,83	17,02
6	Chi thể dục thể thao	540	540	262	48,52	117,49
7	Chi bảo vệ môi trường	2.000	4.893	1.658	33,89	89,91
8	Chi hoạt động kinh tế	51.356	46.672	27.276	58,44	151,62
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	94.972	96.813	43.624	45,06	111,66
10	Chi bảo đảm xã hội	44.153	44.103	22.135	50,19	62,26
11	Chi trợ giá hàng chính sách					
12	Chi An ninh - Quốc phòng	11.120	11.120	4.423	39,78	103,03
13	Chi khác	3.182	3.182	1.049	32,97	125,78
III	Dự phòng ngân sách	12.952	12.952			
IV	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	14.160	14.160			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN					
1	Chương trình mục tiêu quốc gia					
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư					
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên					